| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7 – PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **79** /2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2026
V/v:*"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hoà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Trình và ông Chu Văn Hữu.
***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Hải Long – Thư ký TAND Khu vực 7 - Phú Thọ
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà Hà Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh **Hà Xuân Đ**, sinh năm 1978 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu Đ (nay là thôn M), xã M, tỉnh P;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Ông **Lã Thành Công** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Chị **Hà Thanh H**, sinh năm 1982 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Khu Đ (nay là thôn M), xã M, tỉnh P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2026 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Hà Xuân Đ trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 28/12/2001, anh Hà Xuân Đ với chị Hà Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Th, tỉnh P (nay là xã M, tỉnh P). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian dài cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị H bỏ nhà đi làm ăn xa, vợ chồng không còn liên lạc với nhau khiến tình cảm ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên anh Đ làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thanh H.

*Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thanh H có 02 con chung là cháu Hà Thị Ngọc A, sinh ngày 23/7/2002 và cháu Hà Văn L, sinh ngày 28/4/2004. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

*Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Anh Hà Xuân Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

***[2]. Về phía Bị đơn chị Hà Thanh H:*** Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị H đều vắng mặt. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi anh Đ, chị H cư trú cũng như làm việc với em trai ruột chị Hà Thanh H là anh Hà Quang T để xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2026, anh Hà Quang T (em trai ruột chị Hà Thanh H) cho biết:* Chị H và anh Đ kết hôn với nhau năm 2001, hai anh chị có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị về chung sống với nhau tại Khu Đ, xã M, tỉnh P. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng hoà thuận hạnh phúc một thời gian dài cho đến khoảng năm 2023 thì chị H bỏ đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để hàn gắn cho hai vợ chồng anh chị nhưng không thành. Hiện nay chị H đang đi làm ăn xa, cụ thể ở nơi nào thì anh T không biết, chị H và anh T vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Vào những dịp nghỉ lễ, chị H có thỉnh thoảng về thăm gia đình ít ngày rồi lại đi làm luôn. Gia đình có quan điểm về việc anh Đ khởi kiện xin ly hôn chị H là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Thị Ngọc A, sinh năm 2002 và cháu Hà Văn L, sinh năm 2004. Hiện nay các cháu đều đã thành niên và có gia đình riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, anh T cho biết: Hiện nay chị H vẫn đăng ký thường trú tại Khu Đ, xã M, tỉnh P, tuy nhiên chị H thường xuyên đi làm ăn xa và chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại, thỉnh thoảng chị H mới về nhà vào những dịp nghỉ lễ. Gia đình đã thông báo cho chị H biết về việc Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Đ, còn việc chị H có mặt tại Toà án để làm việc không thì anh không nắm được. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị Hà Thanh H thì anh T đồng ý nhận thay và cam kết sẽ thông báo lại cho chị H được biết theo đúng quy định pháp luật.

*Tại Biên bản xác minh ngày 25/6/2026 với ông Phùng Trung Kiên - Trưởng Khu Đ và ông Hà Văn Lặng - Chuyên viên Văn phòng phụ trách tư pháp UBND xã M, tỉnh P, địa phương cung cấp cho Toà án như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thanh H kết hôn cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, Quyển số 01, ngày 28/12/2001 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh P (nay là xã M, tỉnh P). Sau khi kết hôn anh Đ và chị H chung sống cùng nhau tại Khu Đ, xã M, tỉnh P. Qua nắm bắt tại địa phương gia đình anh chị Đính Hải có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo khu xóm hay chính quyền địa phương hoà giải. Nay anh Hà Xuân Đ có đơn khởi kiện đề nghị ly hôn với chị Hà Thanh H, địa phương có quan điểm là đề nghị Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự.

Về con chung: Anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thanh H có 02 con chung là cháu Hà Thị Ngọc A, sinh ngày 23/7/2002 và cháu Hà Văn L, sinh ngày 28/4/2004. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Khu dân cư và chính quyền địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Hà Thanh H: Hiện nay chị Hà Thanh H vẫn đăng ký thường trú tại Khu Đ, xã M, tỉnh P, tuy nhiên chị H thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới trở về nhà thăm gia đình vào dịp nghỉ lễ hoặc cuối tuần. Chị H có mẹ đẻ là bà Trịnh Thị Hằng và em trai ruột là anh Hà Quang T là người thân thích sinh sống cùng nơi cư trú, do đó các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị Hà Thanh H thì gia đình chị H đều nhận thay và cam kết thông báo lại cho chị H được biết theo đúng quy định pháp luật.

***[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:***

Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hà Xuân Đ.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Hà Xuân Đ được ly hôn chị Hà Thanh H.

*Về án phí:* Anh Hà Xuân Đ được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***[4]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:*** Ông Lã Thành Công phát biểu quan điểm:

*Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hà Xuân Đ. Xử cho anh Hà Xuân Đ được ly hôn chị Hà Thanh H.

*Về án phí:* Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Xuân Đ vì anh Đ là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiên phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Anh Hà Xuân Đ có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thanh H, sinh năm 1982; trú tại: Khu Đ (nay là thôn M), xã M, tỉnh P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chị Hà Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, chị H theo đúng Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Phú Thọ xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thanh H trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2001, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Th, tỉnh P (nay là xã M, tỉnh P), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh Đ cho rằng từ năm 2023 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp với nhau. Anh và chị H đã chính thức sống ly thân từ đầu năm 2023, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh xin ly hôn để giải phóng cho nhau.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Đ và chị H, Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H và tại Khu dân cư thấy rằng: Lời trình bày của anh Đ về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H là hoàn toàn đúng. Đại diện địa phương cũng xác nhận anh Đ và chị H chung sống không hòa thuận hạnh phúc, hiện tại vợ chồng anh chị đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ, chị H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]. Về con chung:** Trong quá trình chung sống, anh Hà Xuân Đ và chị Hà Thanh H có 02 con chung là cháu Hà Thị Ngọc A, sinh ngày 23/7/2002 và cháu Hà Văn L, sinh ngày 28/4/2004. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Anh Hà Xuân Đ không yêu cầu giải quyết và chị Hà Thanh H vắng mặt không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này anh Đ, chị H có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

**[5]. Về án phí:** Anh Hà Xuân Đ là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nên anh Đ được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**[6]. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Xuân Đ. Xử cho anh Hà Xuân Đ được ly hôn chị Hà Thanh H.

*2. Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hà Xuân Đ.

*3. Về quyền kháng cáo:* Anh Đ, chị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh P (Phòng Giám đốc kiểm tra - TTr & THA);*
- *VKSND Khu vực 7 - Phú Thọ;*
- *THADS tỉnh P;*
- *UBND xã M, tỉnh P;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Duyên Hoà**